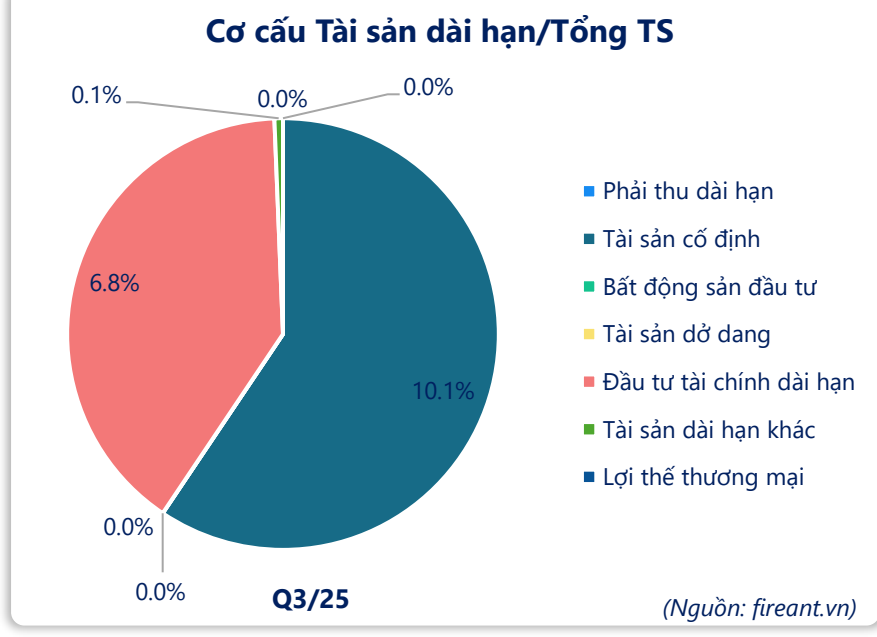
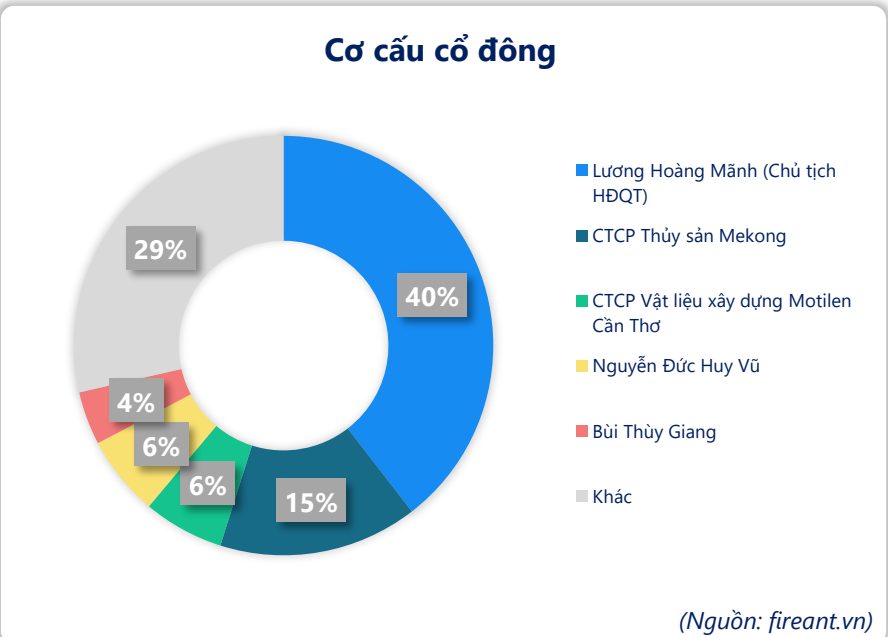
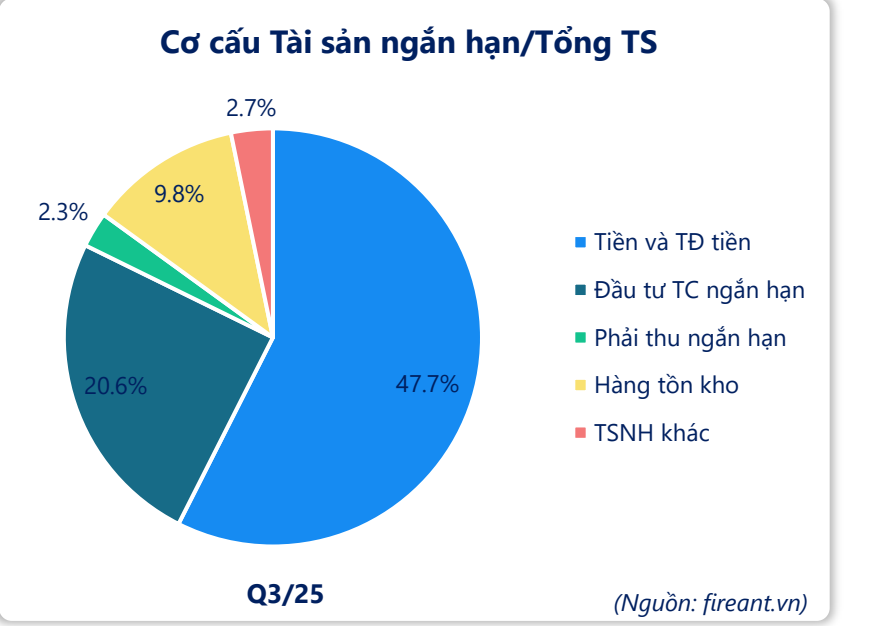
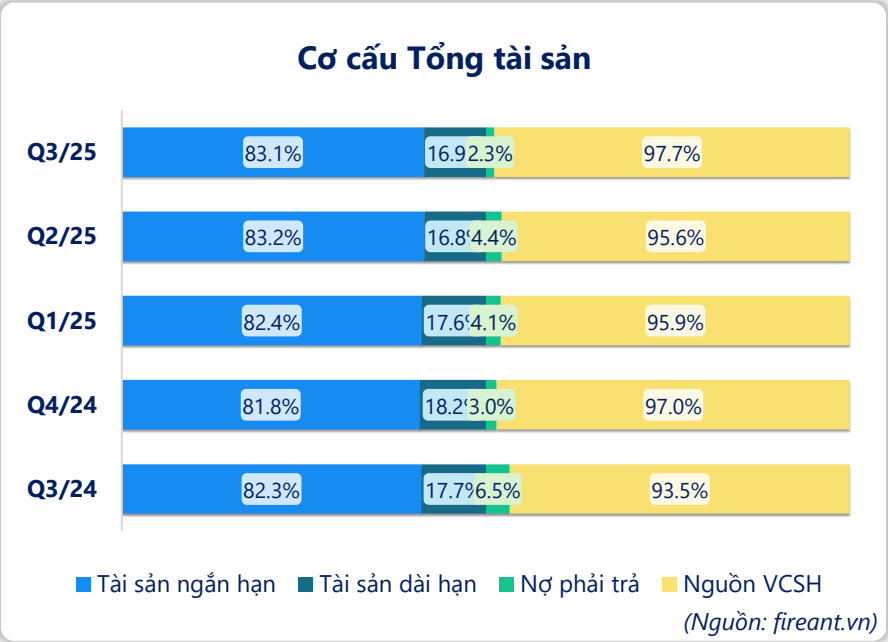
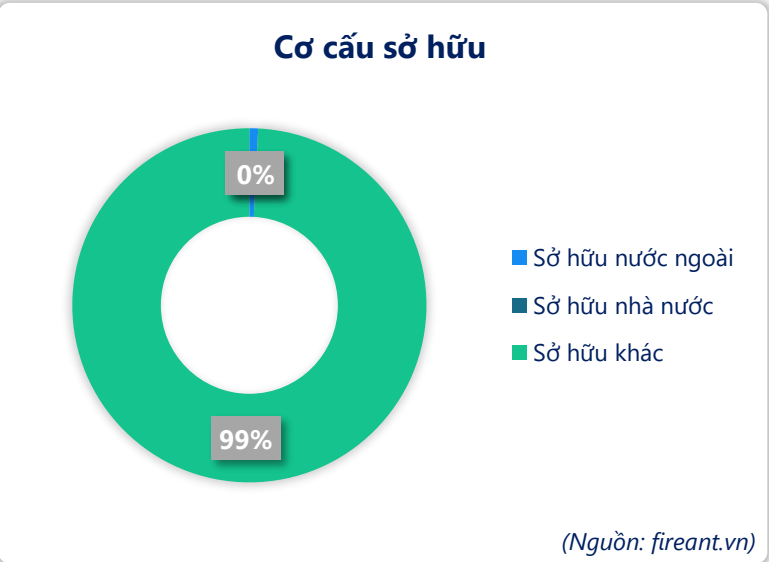
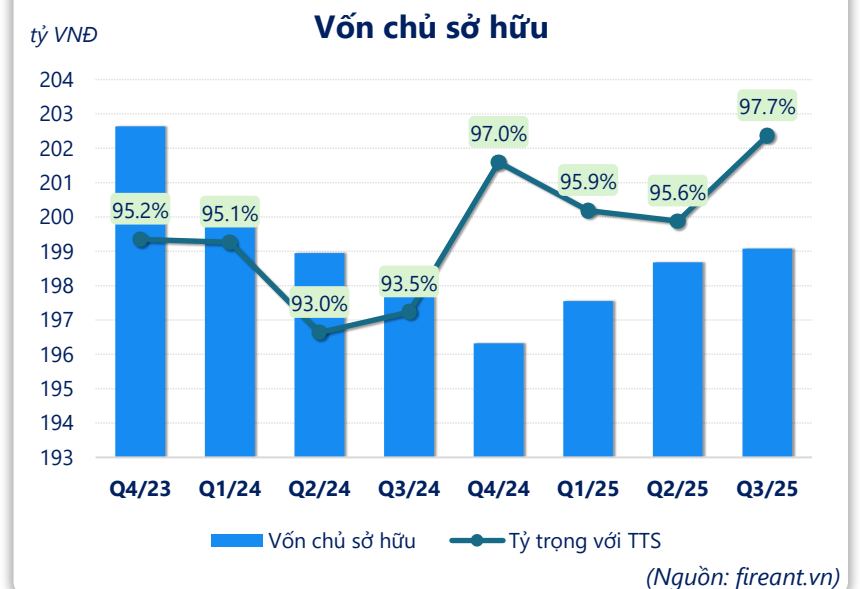
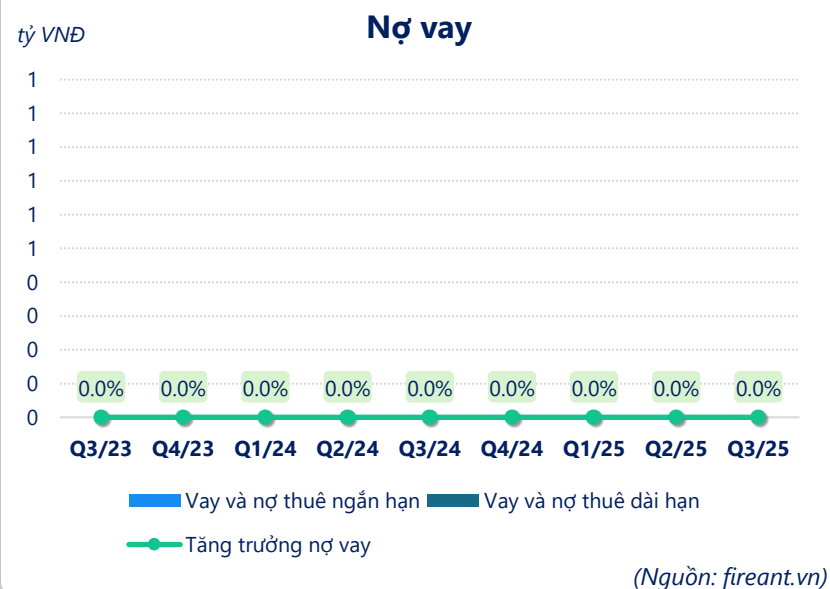
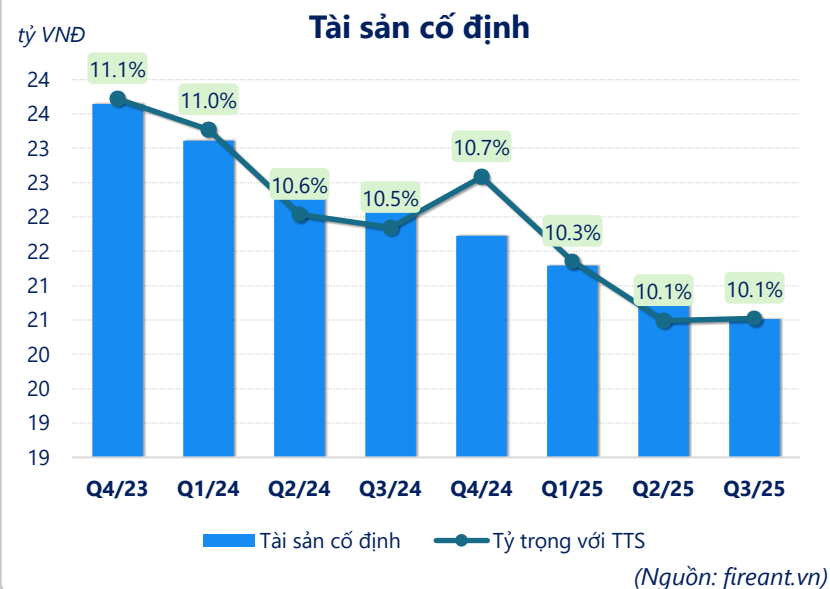
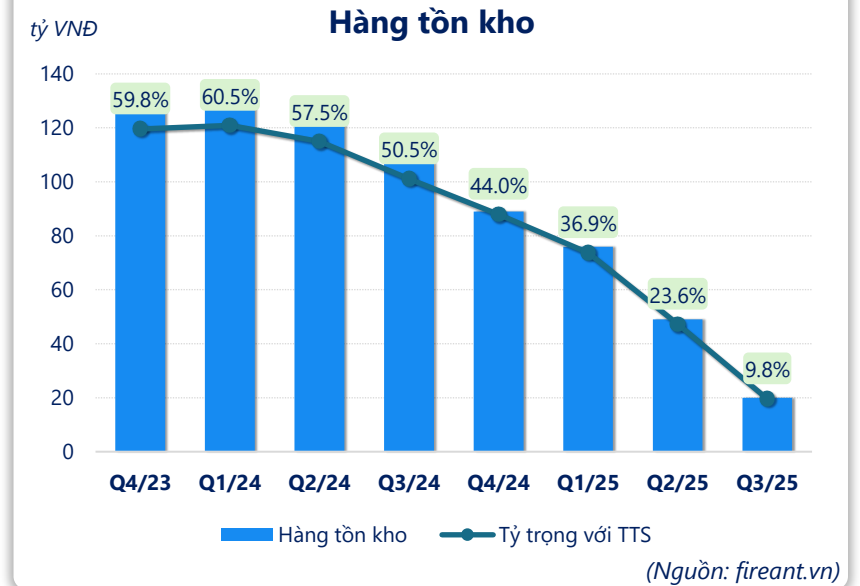
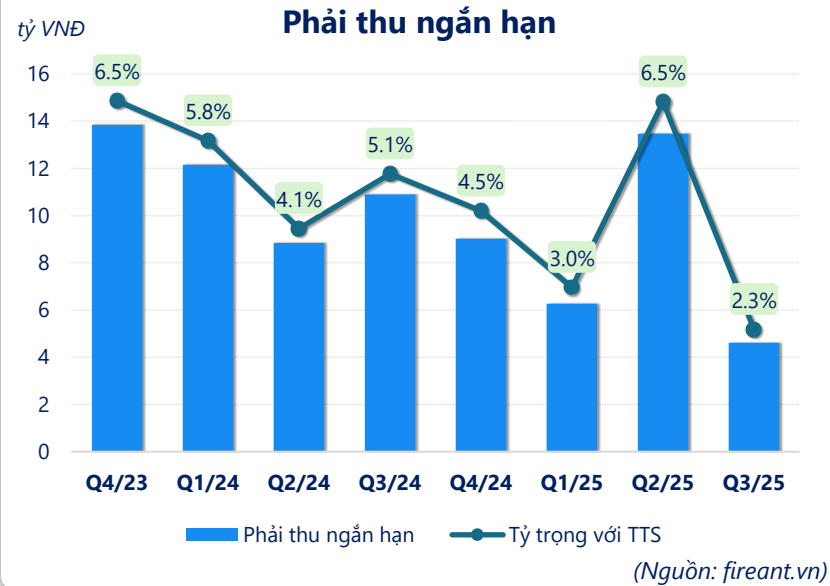
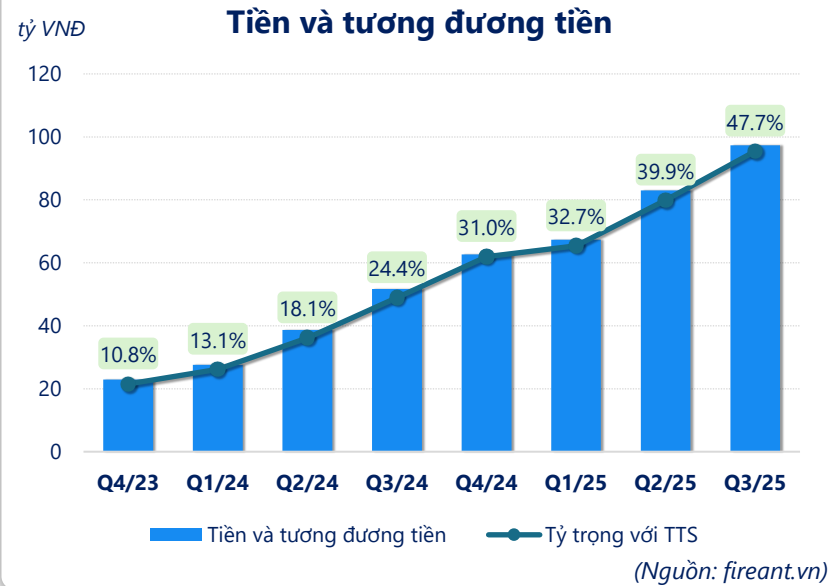
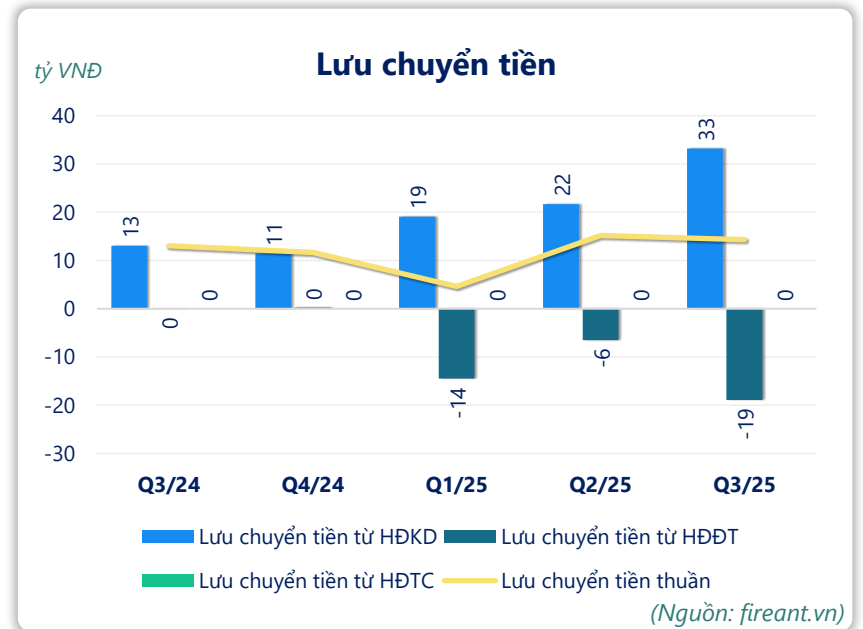
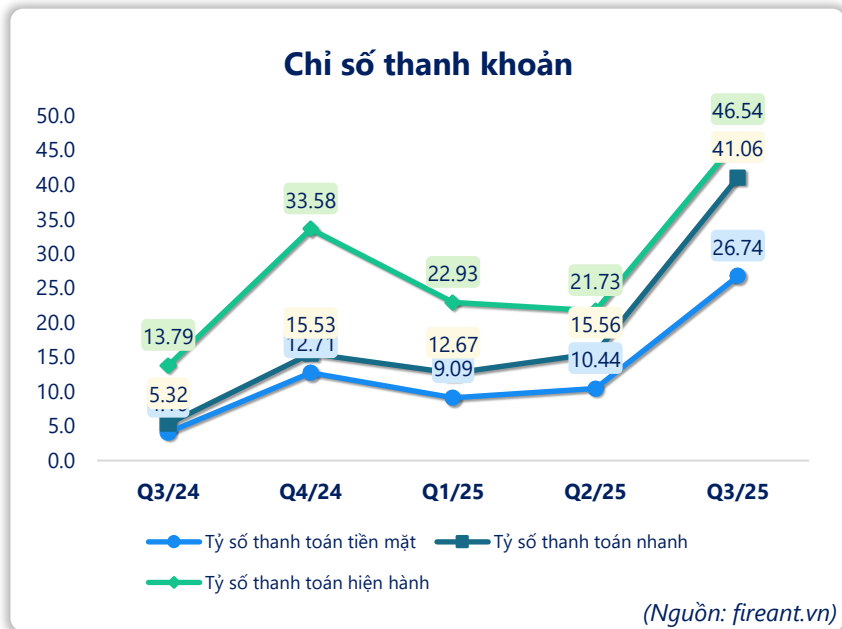
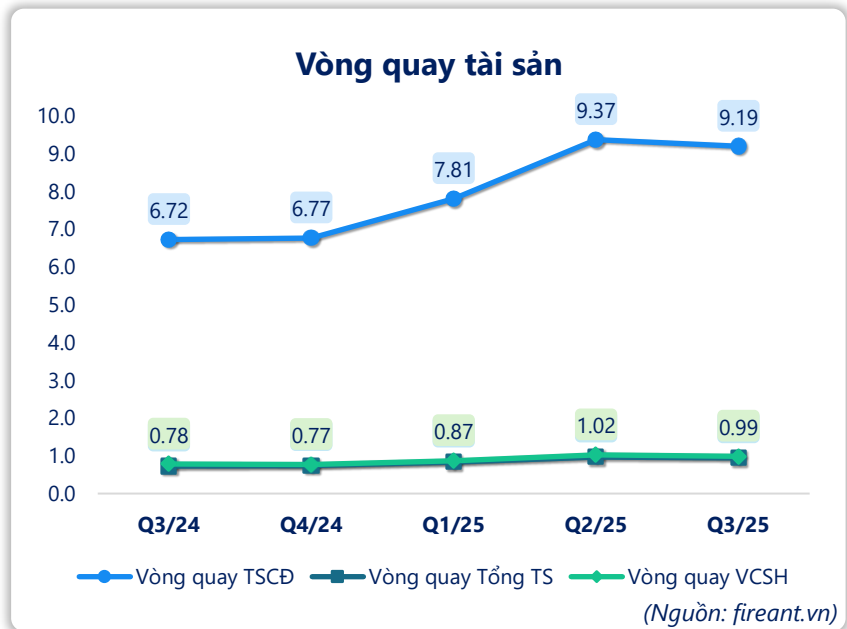
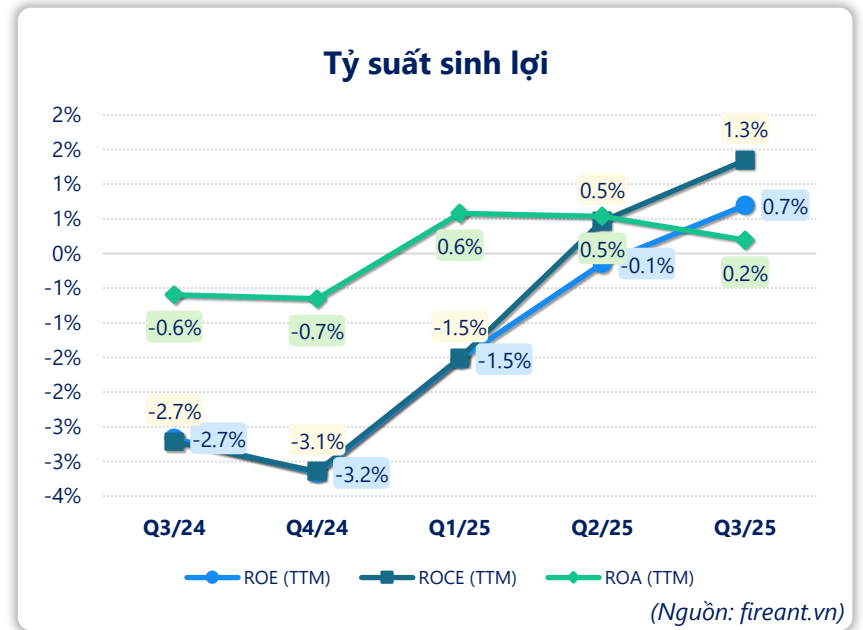
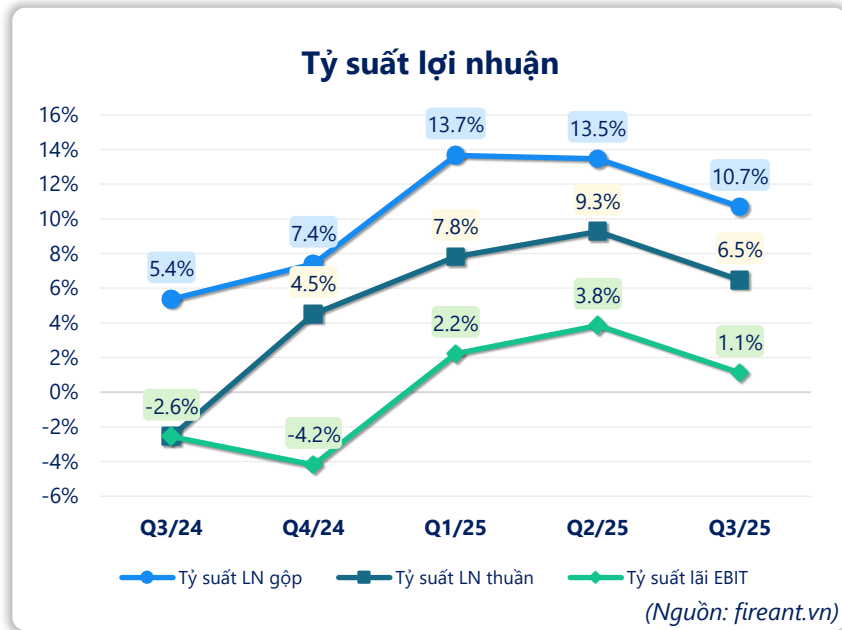
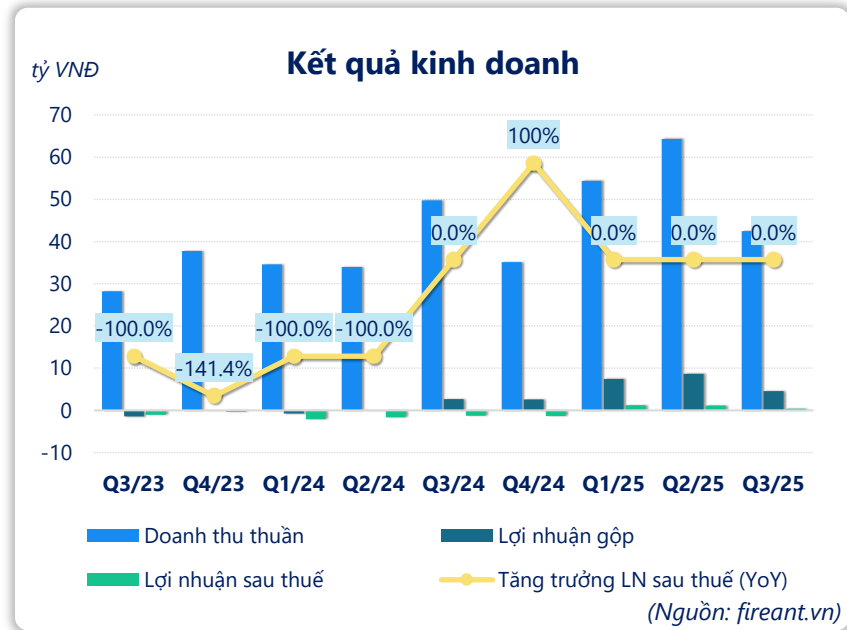


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		7,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		7,780
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,310
SL cổ phiếu LH		10,451,182
KLGD BQ 20 phiên (CP)		14,835
% sở hữu nước ngoài		0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		74
P/E		53.6
EPS		132

	YTD	1T	3T	6T
AAM	2.7%	-2.7%	4.1%	3.5%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	204	202	0.7%
Tài sản ngắn hạn	169	166	2.3%
Tiền và tương đương tiền	97.3	62.7	55.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	42.0	0.00	5210421%
Phải thu ngắn hạn	4.62	9.04	-48.9%
Hàng tồn kho	19.9	89.0	-77.6%
Tài sản ngắn hạn khác	5.47	4.84	12.8%
Tài sản dài hạn	34.5	36.8	-6.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	20.5	21.7	-5.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	13.8	14.6	-5.8%
Tài sản dài hạn khác	0.22	0.40	-45.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4.77	6.01	-20.8%
Nợ ngắn hạn	3.64	4.93	-26.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1.89	2.40	-21.3%
Nợ dài hạn	1.13	1.08	4.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	199	196	1.4%
Vốn chủ sở hữu	199	196	1.4%
Vốn điều lệ	123	123	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	49.8	35.1	54.4	64.3	42.5
Giá vốn hàng bán	47.1	32.5	46.9	55.7	37.9
Lợi nhuận gộp	2.67	2.61	7.43	8.67	4.54
Doanh thu HĐTC	0.11	1.17	0.43	1.77	0.67
Chi phí TC	0.34	0.18	0.10	0.85	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.61	0.83	1.60	1.57	0.65
Chi phí QLDN	1.11	1.18	1.91	2.05	1.81
LN thuần từ HĐKD	-1.27	1.59	4.25	5.96	2.75
Lợi nhuận khác	0	-3.06	-3.04	-3.49	-2.27
LN trước thuế	-1.27	-1.47	1.21	2.47	0.47
Lợi nhuận sau thuế	-1.27	-1.35	1.21	1.13	0.40
LNST của CĐ cty mẹ	-1.27	-1.35	1.21	1.13	0.40

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	13.0	11.5	19.1	21.7	33.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.24	-14.5	-6.48	-18.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	38.7	51.7	62.7	67.3	83.0
Lưu chuyển tiền thuần	13.0	11.7	4.62	15.2	14.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0	-0.70	0	0.49	0
Tiền cuối kỳ	51.7	62.7	67.3	83.0	97.3

(Nguồn: fireant.vn)